|  |  |
| --- | --- |
|  BỘ Y TẾ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

***DỰ THẢO 3 NGÀY 4/10 XIN GÓP Ý***

**THÔNG TƯ**

**Quy định danh mục bệnh, tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Quy định danh mục bệnh, tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về danh mục bệnh, tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa, bao gồm: ban hành, áp dụng, đánh giá và báo cáo thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người hành nghề;

b) Người bệnh;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Phạm vi và yêu cầu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

1. Thông tư này quy định phạm vi thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa là hình thức khám bệnh, chữa bệnh không trực tiếp tiếp xúc giữa người hành nghề và người bệnh mà việc khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện thông qua truyền tải âm thanh, hình ảnh và dữ liệu bằng thiết bị, công nghệ thông tin.

a) Việc khám bệnh từ xa bao gồm tương tác qua màn hình trực tuyến và đọc kết quả cận lâm sàng qua ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Việc chữa bệnh từ xa bao gồm chỉ định phương pháp chữa bệnh và kê đơn thuốc.

1. Yêu cầu đối với người hành nghề thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa:

a) Khám bệnh, chữa bệnh từ xa giữa người hành nghề với người bệnh phải thực hiện theo phạm vi hành nghề của người hành nghề.

b) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ xa phải đăng ký với cơ quan quản lý y tế.

c) Người hành nghề phải chịu trách nhiệm về kết quả chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp chữa bệnh và kê đơn thuốc của mình.

d) Các chỉ định và kê đơn thuốc của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ xa phải thực hiện trên hệ thống đơn thuốc quốc gia.

đ) Thông tin khám bệnh, chữa bệnh từ xa của người bệnh phải được tuân thủ theo các nguyên tắc bảo mật thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh.

e) Người hành nghề phải bảo đảm tôn trọng sự riêng tư của người bệnh theo các quy định.

**Điều 3. Nguyên tắc xây dựng danh mục bệnh, tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

1. Bảo đảm an toàn tối đa cho người bệnh khi thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

2. Bệnh và tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa không bao gồm các trường hợp cấp cứu và yêu cầu cần thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật trên người bệnh.

3. Các bệnh mạn tính ở giai đoạn ổn định duy trì điều trị ngoại trú tại cộng đồng.

4. Các bệnh khám và theo dõi sau quá trình điều trị.

5. Các bệnh truyền nhiễm.

6. Các bệnh thông thường điều trị được tại cộng đồng.

7. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ xa có quyền quyết định hình thức khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh và tình trạng bệnh trong danh mục các bệnh ban hành kèm theo Thông tư này dựa theo chuyên môn phù hợp.

**Điều 4. Xây dựng quy trình khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ xa hoặc cá nhân người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ xa độc lập có trách nhiệm xây dựng quy trình chuyên môn kỹ thuật triển khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh từ xa cho các bệnh trong phạm vi hành nghề và các bệnh thuộc danh mục các bệnh ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Quy định báo cáo việc triển khai khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

1. Định kỳ hàng tháng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ xa tổng hợp tình hình hoạt động trong tháng báo cáo về cơ quan quản lý trước ngày 5 tháng kế tiếp.

2. Sở Y tế tổng hợp báo cáo tình hình khám bệnh, chữa bệnh từ xa trên địa bàn quản lý, định kỳ hàng quý báo cáo về Bộ Y tế trước ngày 10 của tháng kế tiếp.

**Điều 6. Bổ sung, cập nhật danh mục** **bệnh, tình trạng bệnh được khám bệnh, chữa bệnh từ xa**

 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ xa hoặc cá nhân người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ xa độc lập định kỳ rà soát những bệnh, tình trạng bệnh cần triển khai khám bệnh, chữa bệnh từ xa nằm ngoài danh mục ban hành kèm theo Thông tư này để đề xuất với cơ quan quản lý trình Bộ Y tế phê duyệt.

 2. Bộ Y tế có trách nhiệm rà soát bãi bỏ các bệnh, tình trạng bệnh không còn phù hợp trong danh mục.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

**Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng đơn vị y tế các Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội (để g/sát);- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng TTĐT);- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan  thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Bộ trưởng (để b/cáo);- Các Thứ trưởng (để phối hợp thực hiện);- Các Vụ, Cục, Tổng cục, VPB, TTr thuộc Bộ Y tế;- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;- Sở Y tế các tỉnh/TP, Y tế các Bộ, ngành; - Cổng TTĐT Bộ Y tế;- Lưu : VT, KCB (03b), PC (02b). |  | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Trần Văn Thuấn** |

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC BỆNH, TÌNH TRẠNG BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TỪ XA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên khoa** | **Bệnh** | **Mã ICD-10** |
|  |  Dinh dưỡng | Béo phì  | E66 |
|  | Tai Mũi Họng | Viêm mũi họng cấp tính, mạn tính | J00, J31.1 |
|  | Răng Hàm Mặt | Viêm lợi/miệng áp tơ | K12.0 |
|  | Răng Hàm Mặt | Viêm tuyến nước bọt | K11.2 |
|  | Răng Hàm Mặt | Viêm lưỡi bản đồ | K14.1 |
|  | Răng Hàm Mặt | Viêm lợi cấp do vi rút ở trẻ em | K05.0 |
|  | Răng Hàm Mặt | Viêm lợi do mọc răng | K06.9 |
|  | Cơ Xương Khớp | Đau vai gáy | M25.5 |
|  | Cơ Xương Khớp | Đau thắt lưng | M54.5 |
|  | Cơ Xương Khớp | Viêm khớp dạng thấp | M06.0; M08.0 |
|  | Cơ Xương Khớp | Thoái hóa khớp gối | M17 |
|  | Cơ Xương Khớp | Loãng xương | M81 |
|  | Chấn thương chỉnh hình | Giãn dây chằng sau chấn thương | S-3 |
|  | Ung thư | Sau điều trị ung thư  | Z08.- |
|  | Tim mạch | Tăng huyết áp | I10 |
|  | Tim mạch | Suy tim | I50.- |
|  | Nội tiết | Đái tháo đường Type 2 | E11 |
|  | Nội tiết | Béo phì | E66 |
|  | Nội tiết | Gút | M10 |
|  | Nội tiết | Tăng a.uric | E79.0 |
|  | Nội tiết | Suy giáp sau điều trị | E89.0 |
|  | Nội tiết | Suy giáp khác | E02, E03 |
|  | Nội tiết | Bướu nhân đơn nhân/đa nhân tuyến giáp | E04 |
|  | Nội tiết | Basedow | E05 |
|  | Nội tiết | Ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật ổn định | C73 |
|  | Nội tiết | Rối loạn Lipid máu | E78 |
|  | Thận-tiết niệu | Suy thận mạn chưa chạy thận nhân tạo | N18.1 |
|  | Hô hấp | Hen phế quản | J45 |
|  | Hô hấp | Bệnh phổi mạn tính tắc nghẽn | J44 |
|  | Tâm thần | Rối loạn tâm thần  | F28.8 |
|  | Tâm thần | Rối loạn lo âu, trầm cảm | F41.2 |
|  | Da liễu | Viêm da dị ứng | L20; L23 |
|  | Da liễu | Nấm nông | B36.- |
|  | Thần kinh | Bệnh Parkinson | G20 |
|  | Thần kinh | Đau nửa đầu | G43 |
|  | Thần kinh | Rối loạn tiền đình | H81 |
|  | Truyền nhiễm | Nhiễm HIV/AIDS | B24 |
|  | Lao và bệnh phổi | Bệnh lao | A15-A19 |
|  | Truyền nhiễm | Sốt xuất huyết | A97.0 |
|  | Truyền nhiễm | Cúm | J9; J10; J10.1 |
|  | Truyền nhiễm | COVID-19 | U07.1 |
|  | Truyền nhiễm | Thủy đậu | B01.9 |
|  | Truyền nhiễm | Quai bị | B26.9 |
|  | Truyền nhiễm | Viêm gan virus B, C | B16; B18.1 |